

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/KDTM-ST
Ngày: 20/9/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Đẹp;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 22/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 449/2024/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 345/2024/QĐST-

KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ: Số XY Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn M H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Tầng N, số YX Cao Thắng, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số yyyy/2023/UQ-PGD ngày 30/12/2023).

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B

Địa chỉ: Số XY/AB ấp Hậu Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Mai Thị C N, sinh năm 1992 (vắng mặt có

đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số EX/AY ấp 5, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương T K, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số XYZC ấp Hòa Thạnh, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Bà Mai Thị C N, sinh năm 1992 (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số EX/AY ấp 5, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản lập tại Tòa án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 29/8/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần A (sau đây gọi là NH A) và Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B (sau đây gọi là CT B) đã ký Hợp đồng cho vay số TSN/19042 với tổng số tiền vay là 631.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019, số tiền nhận nợ 631.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 29/08/2019 đến ngày 29/08/2024. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 9.3%/năm. Lãi suất cố định trong 03 tháng đầu và sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần. Ngày điều chỉnh đầu tiên vào ngày 30/11/2019. (Quy định tại Mục 5.1 Khoản 5 Điều 1 của Khế ước). Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm thường tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả cuối kỳ của bên ngân hàng đối với tiền gửi tiết kiệm thấp nhất tại thời điểm điều chỉnh + 4.5%/năm. (Quy định tại Mục 5.2, Khoản 5, Điều 1 của Khế ước). Các kỳ trả nợ gốc, trả 1 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/10/2019. Tổng cộng trả 60 kỳ, mỗi kỳ trả 10.520.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 10.320.000 đồng (Quy định tại Mục 6, Khoản 5, Điều 1 của Khế ước). Các kỳ trả nợ lãi: Trả 1 lần/tháng vào ngày 05, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 05/10/2019 (Quy định tại Mục 7, Khoản 5, Điều 1 của Khế ước). Lãi bổ sung, bên vay phải thanh toán cho NH A khoản lãi bổ sung khi bên vay không thực hiện hoặc thực không đúng nghĩa vụ trả nợ. Khoản lãi bổ sung được tính như sau: Lãi suất bổ sung để tính lãi cố định và bằng 2.8%/năm. Lãi suất được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày. (Quy định tại Mục 5.3, Khoản 5, Điều 1 của Khế ước).

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, NH A và CT B đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019 tài sản thế chấp là xe ô tô hình thành

từ vốn vay với các đặc điểm như sau: 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, Số loại: COLORADO, số khung: MMM148MM0KH653404, Số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49. Việc thế chấp và nhận thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/8/2019.

Đồng thời NH A và bà Mai Thị C N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19044 ngày 29/08/2019; NH A và ông Dương T K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19045 ngày 29/08/2019 bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Mai Thị C N và ông Dương T K.

Quá trình thực hiện hợp đồng, CT B đã trả cho NH A tính đến ngày 05/2/2021 là 229,163,363 đồng trong đó nợ gốc là 151,578,000 đồng và lãi là 77,585,363 đồng. Sau đó thì CT B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 05/02/2021. NH A đã nhiều lần liên hệ làm việc với CT B, người bảo lãnh khoản vay để yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ và yêu cầu bàn giao tài sản bảo đảm nhưng CT B và người liên quan không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 20/9/2024, CT B còn nợ tại NH A số tiền sau: Nợ gốc quá hạn là 479.422.000 đồng; Lãi trong hạn là 9.064.269 đồng; Nợ lãi quá hạn là 261.175.704 đồng; Lãi chậm trả là 3.287.970 đồng; Lãi bổ sung là 7.361.670 đồng, tổng cộng là 760.311.613 đồng. Ngân hàng NH A yêu cầu CT B phải trả ngay một lần cho NH A tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 20/9/2024 là: 760.311.613 (Bảy trăm sáu mươi triệu ba trăm mười một ngàn sáu trăm mười ba) đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 21/9/2024, CT B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A.

Trường hợp CT B không thanh toán số tiền nêu trên thì NH A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho NH A chi tiết tài sản thế chấp như sau 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, số loại: COLORADO, Số khung: MMM148MM0KH653404, số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho NH A thì bà Mai Thị C N và ông Dương T K phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho CT B theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với NH A.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn CT B do bà Mai Thị C N là đại diện theo pháp luật có bản tự khai xác nhận ngày 29/8/2019 CT B do bà Mai Thị C N là đại diện theo pháp luật và Ngân hàng Thương mại cổ phần A (NH A) có ký Hợp đồng cho vay số: TSN/19042 với tổng số tiền vay là 631.000.000 đồng, theo Khế ước

nhận nợ lần: 01/Số: TSN/19042-01 ngày 29/08/2019, số tiền nhận nợ 631.000.000 đồng. Đồng thời NH A và CT B đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019, bà Mai Thị C N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19044 ngày 29/08/2019 lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Mai Thị C N nếu CT B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà N xác nhận số nợ tính đến ngày 10/01/2023 CT B còn nợ NH A là 642.824.185 đồng. Tại bản tự khai ngày 20/2/2023 bà N xác nhận số tiền CT B đã trả cho NH A là 229,163,363 đồng trong đó nợ gốc là 151,578,000 đồng và lãi là 77,585,363 đồng. CT B đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp đã ký và hợp đồng bảo lãnh cá nhân của bà N. Tuy nhiên do tình hình kinh tế khó khăn và chiếc xe CT B vay tiền Ngân hàng để mua 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, Số loại: COLORADO, Số khung: MMM148MM0KH653404, Số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49 do ông Dương T K đang trực tiếp quản lý sử dụng nên bà đề nghị ông K phải mang xe về cùng với công ty trả nợ cho ngân hàng. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị vắng mặt tất cả các buổi làm việc, các phiên hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt bà, bà N cam kết giữ nguyên ý kiến trong các bản tự khai, các biên bản lập tại tòa án và không khiếu nại về việc Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ ông Dương T K có bản tự khai 28/9/2022 trình bày: Ông xác nhận có ký hợp đồng bảo lãnh số TSN/19045 ngày 29/08/2019 về việc bảo lãnh cho CT B vay tiền mua 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, Số loại: COLORADO, Số khung: MMM148MM0KH653404, Số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49. Chiếc xe trên hiện nay do ông K đang trực tiếp quản lý sử dụng. Do ông K và bà N còn đang chưa thống nhất được về tranh chấp thành viên công ty nên ông K chưa mang xe về để cùng với công ty thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 11/01/2024 ông K xác nhận việc tranh chấp thành viên công ty ông sẽ khởi kiện một vụ kiện khác và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông K đề nghị cho ông thời gian đến ngày 05/3/2024 sẽ mang xe về bàn giao xe cho Ngân hàng để trả nợ cho ngân hàng, đồng thời ông K đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh đã ký nếu CT B không trả nợ cho NH A.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn CT B, người đại diện theo pháp luật bà Mai Thị C N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương T K nhưng bà Mai Thị

C N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Dương T K vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 72, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ hợp đồng cho vay và các hợp đồng thế chấp, bảo lãnh đã ký của các bên và căn cứ các Điều 299, khoản 1 Điều 342, Điều 466 Bộ luật dân sự, Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP A có đơn khởi kiện đối với Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B liên quan đến Hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019. Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B có địa chỉ trụ sở tại Số XY/AB ấp Hậu Lân, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp này phát sinh từ tranh chấp hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung được áp dụng: Hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019 ký giữa nguyên đơn và bị đơn là thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, căn cứ Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B do bà Mai Thị C N làm đại diện theo pháp luật đồng thời bà Mai Thị C N là người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương T K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B do bà Mai Thị C N làm đại diện theo pháp luật đồng thời bà Mai Thị C N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N có các bản tự khai ngày 10/01/2023; 20/02/2023; biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/02/2023; 11/01/2024. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương T K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Trong quá trình giải quyết vụ án ông Dương T K có các bản tự khai ngày 28/9/2022; 09/01/2023; 15/11/2023; 20/02/2023 và biên bản ghi nhận ý kiến ngày 20/02/2023; 11/01/2024 sau đó thì ông K không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên các đương sự phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ theo quy định tại Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập theo khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[3.3] Về chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu liên quan đến yêu cầu khởi kiện gồm: Đơn khởi kiện, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP A; bản sao Hợp đồng cho vay ngày 29/08/2019; Bản sao Hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 29/08/2019, bản sao Hợp đồng bảo lãnh ngày 29/08/2019; Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm và bản sao Điều lệ Ngân hàng TMCP A; Bản chính các Văn bản ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP A, các bản tự khai, các bản tổng hợp dư nợ. Đại diện nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực của các tài liệu này. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có bản khai xác nhận số tiền vay, số tiền đã trả, xác nhận dư nợ tính đến thời điểm khởi kiện và đồng ý thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định tại các hợp đồng đã ký. Do đó, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 92, 93 và 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ có cơ sở xác định:

[4.2] Ngày 29/8/2019 Ngân hàng Thương mại cổ phần A và Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B đã ký Hợp đồng cho vay số TSN/19042 với tổng số tiền vay là 631.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019, số tiền nhận nợ 631.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng, từ ngày 29/08/2019 đến ngày 29/08/2024. Mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, NH A và CT B đã ký hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019 tài sản thế chấp là xe ô tô hình thành từ vốn vay với các đặc điểm như sau 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, Số loại COLORADO, số khung MMM148MM0KH653404, Số máy LP2G190361248, Biển số xe 51D-524.49. Việc thế chấp và nhận thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/8/2019.

Đồng thời VP Banh và bà Mai Thị C N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19044 ngày 29/08/2019; NH A và ông Dương T K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19045 ngày 29/08/2019 bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Mai Thị C N và ông Dương T K để bảo lãnh cho CT B. Như vậy, hợp đồng cho vay, hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo lãnh được các bên tự nguyện ký kết, đảm bảo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa hai bên.

[4.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, CT B đã trả cho NH A tính đến ngày 05/2/2021 là 229,163,363 đồng trong đó nợ gốc là 151,578,000 đồng và lãi là 77,585,363 đồng. Sau đó thì CT B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn từ ngày 05/02/2021. Tính đến hết ngày 20/9/2024, CT B còn nợ tại NH A số tiền nợ gốc quá hạn là 479.422.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn do bà Mai Thị C N làm đại diện theo pháp luật của CT B có bản tự khai ngày 20/02/2023 xác nhận số tiền CT B đã trả cho NH A là 229,163,363 đồng trong đó nợ gốc là 151,578,000 đồng và lãi là 77,585,363 đồng. Do đó, căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng cho vay, khế ước nhận nợ mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc còn lại là 479.422.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu về lãi suất: Lãi suất NH A yêu cầu CT B trả theo thỏa thuận của các bên trong các Hợp đồng đã ký về lãi suất là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi trong hạn, lãi

quá hạn, lãi chậm trả, lãi bổ sung là phù hợp với thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ mà hai bên đã giao kết và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi trong hạn là 9.064.269 đồng, lãi quá hạn là 261.175.704 đồng, lãi chậm trả là 3.287.970 đồng, lãi bổ sung là 7.361.670 đồng, tổng cộng là 280.889.613 đồng.

[6] Về phương thức thanh toán: bị đơn vắng mặt, không trình bày ý kiến, yêu cầu nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật có cơ sở chấp nhận.

[7] Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất theo thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ đã giao kết. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi kể từ ngày 21/9/2024, CT B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019, khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019 đã ký cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A của nguyên đơn được chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là tài sản thế chấp xe ô tô hình thành từ vốn vay với các đặc điểm như sau 01 xe ô tô nhãn hiệu CHEVROLET, Số loại COLORADO, số khung MMM148MM0KH653404, Số máy LP2G190361248, Biển số xe 51D-524.49 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/8/2019. Đồng thời NH A và bà Mai Thị C N đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19044 ngày 29/08/2019; NH A và ông Dương T K đã ký Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19045 ngày 29/08/2019 bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Mai Thị C N và ông Dương T K để bảo lãnh cho CT B.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh được ký trên cơ sở tự nguyện, được lập thành văn bản và chứng thực đúng quy định. Nội

dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên Hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh có hiệu lực thi hành đối với các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 299, Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 22, Điều 49 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên có căn cứ để chấp nhận.

[10] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[10.1] Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.412.465 đồng.

[10.2] Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận

[12] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 280, 299, 335, 336; 342 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 24, Điều 25 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng

thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

Buộc Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019; Khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019 tính đến hết ngày 20/9/2024 là **760.311.613** đồng (Bảy trăm sáu mươi triệu ba trăm mười một nghìn sáu trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 479.422.000 đồng, lãi trong hạn là 9.064.269 đồng; lãi quá hạn là 261.175.704 đồng lãi chậm trả là 3.287.970 đồng, lãi bổ sung là 7.361.670 đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 21/9/2024, CT B vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, lãi phạt theo các hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019, khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho NH A cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay số TSN/19042 ngày 29/8/2019, khế ước nhận nợ lần 01/số TSN/19042-01 ngày 29/08/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Sau khi Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi nói trên thì Ngân hàng TMCP A có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp đối với 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, Số loại: COLORADO, số khung: MMM148MM0KH653404, Số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/8/2019.

Trong trường hợp Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm sau 01 Xe ô tô nhãn hiệu: CHEVROLET, Số loại:

COLORADO, số khung: MMM148MM0KH653404, Số máy: LP2G190361248, Biển số xe: 51D-524.49 theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số TSN/19043 ngày 29/8/2019 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 29/8/2019 để thu hồi nợ cho NH A.

Trong trường hợp số tiền phát mãi thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A thì Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp nêu trên không đủ để thanh toán nợ cho NH A thì bà Mai Thị C N và ông Dương T K phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho CT B theo các Hợp đồng bảo lãnh gồm bà Mai Thị C N Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19044 ngày 29/08/2019 và ông Dương T K Hợp đồng bảo lãnh số TSN/19045 ngày 29/08/2019.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.412.465 đồng (Ba mươi bốn triệu bốn trăm mười hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng), Công ty TNHH Sản xuất thương mại xuất nhập khẩu B phải chịu, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí là 12.673.082 (Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi hai) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0040222 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Bình Chánh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương